

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày 05-5-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hương, ông Trương Xuân Vũ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Diễm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-TCDS ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 2 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Kiều H- Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện L, theo văn bản uỷ quyền số 2965/QĐ-NHNo- PC ngày 27-12-2019 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và văn bản uỷ quyền số 389/QĐ-NHNo- PC ngày 23-3-2021 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Người được uỷ quyền lại: Ông Hoàng Văn T- Giám đốc phòng giao dịch Yên Thế, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện L, theo văn bản uỷ quyền số 201A/GUQ/NHNo.LY-TH ngày 04-11-2021 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện L.

Địa chỉ phòng giao dịch Y, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện L: Thôn T, xã Tân L, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Có mặt.

2. *Đồng bị đơn*: Anh Đỗ Văn N, chị Nông Thị D.

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 08-10-2018 anh Đỗ Văn N, đã ký hợp đồng tín dụng số 37/HĐTD với Agribank chi nhánh huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là Agribank chi nhánh huyện Lục Y) vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay để chăn nuôi trâu. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 08-10-2018 đến ngày 08-10-2021, lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là 10,0/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, hạn trả nợ gốc được chia thành hai kỳ: Ngày 08-10-2020 trả 10.000.000 đồng, ngày 08-10-2021 trả 290.000.000 đồng. Anh Đỗ Văn N đã nhận đủ số tiền vay vào ngày 13-12-2018.

Để bảo đảm cho khoản tiền vay vợ chồng anh N, chị D đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 37/HĐTC ngày 08-10-2018 đã được ký kết giữa bên thế chấp là anh Đỗ Văn N và vợ là chị Nông Thị D với Agribank chi nhánh huyện L (sau đây gọi tắt là ngân hàng). Các bên chứng thực tại UBND xã T, huyện L, do ông Hứa Dũng B- Chủ tịch đã ký chứng thực ngày 08-10-2018

Tài sản thế chấp bao gồm:

- Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất, thửa đất số 237, tờ bản đồ số 8, địa chỉ B, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. Diện tích là 197,3 m², mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn; thời hạn sử dụng lâu dài; nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở, loại nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 100 m², diện tích sàn 100 m², hình thức sở hữu: Sở hữu riêng, cấp (hạng): Nhà xây 1 tầng đồ mái.

Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CL441035 do UBND huyện L cấp ngày 13-9-2018; số vào sổ GCN: CH02571 mang tên ông Đỗ Văn N và bà Nông Thị D.

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất; số vào sổ cấp GCN: CH02570, thửa đất số 234; tờ bản đồ số 8; diện tích 913 m²; hình thức sử dụng: Sử dụng riêng là 913 m²; mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm là 913 m²; thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064; nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất, do UBND huyện L, tỉnh Yên Bái cấp ngày 13-9-2018; địa chỉ thửa đất: Bản S, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái

Trong thời gian đầu vay vốn, anh Đỗ Văn N đã thanh toán được 54.082.192 đồng (trong đó trả nợ gốc 0 đồng, trả lãi trên nợ gốc là 54.082.192

đồng). Tuy nhiên từ ngày 28-12-2021, bên vay đã để phát sinh nợ quá hạn gốc, lãi và kéo dài tình trạng chậm trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc, yêu cầu anh Đỗ Văn N và chị Nông Thị D trả nợ nhưng anh N, chị D không chủ động trả nợ cho ngân hàng.

Do vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc anh Đỗ Văn N và chị Nông Thị D:

- Thanh toán số nợ Ngân hàng (tính đến ngày 28-12-2021) là 339.352.603 đồng. Trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 35.868.493, nợ lãi quá hạn là 3.484.110 đồng.

- Thanh toán cho ngân hàng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 28-12-2021 đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nêu bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm đề nghị phát mại thu hồi nợ.

- Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho ngân hàng, thì ngân hàng có quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bên vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với chị Nông Thị D là vợ anh Đỗ Văn N liên quan đến hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm khoản tiền vay tại Ngân hàng. Tòa án triệu tập nhiều lần, chị D không có mặt do đó chị D không thể hiện quan điểm liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, triệu tập bị đơn, nhưng các đương sự không có mặt để giải quyết vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành lập biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bổ sung số tiền lãi tính đến thời điểm xét xử (ngày 05-5-2022) buộc bị đơn phải trả tổng số tiền là 355.170.411 đồng bao gồm nợ gốc 300.000.000 đồng và 55.170.411 đồng nợ lãi (trong đó lãi trong hạn là 46.438.356 đồng, lãi quá hạn là 8.732.055 đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi giải quyết vụ án. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ chưa có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 280, 299, 317, 318, 320, 323, 257, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Agribank buộc anh

Đỗ Văn N và chị Nông Thị D phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 37/HĐTD (8707 LAV201803472) ngày 08 tháng 10 năm 2018 tính đến ngày xét xử (05-5-2022) tổng số tiền là 355.170.411 đồng. Trong đó: Số nợ gốc 300.000.000 đồng; số nợ lãi là 55.170.411 đồng (lãi trong hạn là 46.438.356 đồng, lãi quá hạn là 8.732.055 đồng).

Quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm của anh N, chị D đã thế chấp để vay khoản tiền nêu trên khi họ không tự nguyện thi hành án.

Đối với yêu cầu tuyên: Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh N, chị D để thu hồi nợ là quyền đương nhiên của người được thi hành án trong giai đoạn thi hành bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, không cần thiết tuyên trong bản án.

Về án phí, chi phí tố tụng: Anh N, chị D phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cùng trách nhiệm thanh toán khoản nợ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu anh Đỗ Văn N và chị Nông Thị D trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng, như vậy quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng, phạm vi khởi kiện đòi tiền gốc và lãi suất theo hợp đồng, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ và điều luật áp dụng:

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp kèm theo đơn khởi kiện là hợp đồng tín dụng số 37/HĐTD mã khách hàng: 8707-143371554, số phê duyệt: 8707LAV201803472, ngày 08 tháng 10 năm 2018 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng); 01 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất 37/HĐTC ngày 08-10-2018 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp).

Thời điểm hai bên ký hợp đồng ngày 08 tháng 10 năm 2018 nên Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét, giải quyết vụ án.

Đối với hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng xác lập ngày 08 tháng 10 năm 2018 là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Hợp đồng thế chấp thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật do đó hợp đồng 37/HĐTC ngày 08-10-2018 đã được ký kết giữa Bên thế chấp là anh Đỗ Văn N cùng vợ là Nông Thị D với Agribank chi nhánh huyện L là hợp pháp. Ngày 16 tháng 3 năm 2022 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của Ngân hàng, qua xem xét thẩm định tài sản thế chấp giữ nguyên hiện trạng theo hợp đồng thế chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn xét thấy:

[3.1] Về yêu cầu trả gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng:

Khi ký kết hợp đồng tín dụng số 37/HĐTD, ngày 08-10-2018, anh N là người đứng tên vay, mục đích vay vốn sử dụng vào mục đích chung của gia đình, số tiền vay Ngân hàng anh N đã sử dụng để mua trâu, để đảm bảo cho khoản vay anh N và chị D cùng ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 37/HĐTC ngày 08-12-2018, thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của anh N và chị D. Như vậy khoản vay ngân hàng anh N đứng tên vay là khoản vay chung của vợ chồng nên phát sinh trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do anh N thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giải ngân số tiền cho vay, anh Đỗ Văn N đã nhận đủ số tiền vay 300.000.000 đồng và đã trả được số tiền lãi như sau: Ngày 13-12-2018 trả lãi 1.561.644 đồng, ngày 28-3-2019 trả lãi 7.397.260 đồng, ngày 03-7-2019 trả lãi 7.479.452 đồng, ngày 07-01-2020 trả lãi 15.123.288 đồng, ngày 30-3-2020 trả lãi 7.479.452 đồng, ngày 30-6-2020 trả lãi 7.479.452 đồng, ngày 06-10-2020 trả lãi 7.561.644 đồng. Từ ngày 09-10-2020 bên vay đã để phát sinh nợ quá hạn gốc, lãi và kéo dài tình trạng chậm trả nợ. Như vậy, anh Đỗ Văn N và chị Nông Thị D đã không thực hiện đúng thỏa thuận tại khoản 2 Điều 5 Hợp đồng tín dụng và làm phát sinh nợ quá hạn.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu anh Đỗ Văn N và chị Nông Thị D phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tiền nợ 355.170.411 đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi là 55.170.411 đồng (tính đến ngày xét xử) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp là 197,3 m² đất ở nông thôn và tài sản trên đất là 01 nhà ở, loại nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 100 m², diện tích sàn 100 m², hình thức sở hữu: Sở hữu riêng, cấp (hạng): Nhà xây 1 tầng đổ mái, tại thửa đất số 237, tờ bản đồ số 8, địa chỉ Bản S, xã T,

huyện L, tỉnh Yên Bái và 913 m² đất trồng cây hàng năm tại thửa đất số 234; tờ bản đồ số 8; địa chỉ thửa đất: Bản S xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái. Qua xem xét thẩm định tài sản thế chấp giữ nguyên hiện trạng theo hợp đồng thế chấp căn cứ vào điều khoản trong hợp đồng thế chấp và căn cứ vào các Điều 317, 318, 319, 322, 323 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, nếu anh N, chị D không trả được khoản nợ thì phát mại tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ.

[3.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh N, chị D để thu hồi nợ. Xét thấy, nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho nguyên đơn, thì bị đơn vẫn phải tiếp tục thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán theo khoản 3 Điều 307 của Bộ luật Dân sự, các quy định của Luật thi hành án dân sự và điểm i khoản 2 Điều 9 Hợp đồng tín dụng số 37/HĐTD ngày 08-10-2018.

[4] Về chi phí tố tụng: Căn cứ yêu cầu của nguyên đơn Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định mà nguyên đơn đã nộp là 1.300.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.300.000 đồng. Căn cứ số tiền đã chi ngày 16 tháng 3 năm 2022.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Đỗ Văn N và chị Nông Thị D phải chịu án phí có giá ngạch đối với tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được trả lại số tiền án phí đã tạm ứng.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 117, Điều 280, Điều 298, Điều 299, Điều 307, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).

2. Buộc anh Đỗ Văn N, chị Nông Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) số tiền 355.170.411 đồng (*ba trăm năm mươi năm triệu một trăm bảy mươi nghìn bốn trăm mười một*) đồng trong đó có nợ gốc 300.000.000 đồng và nợ lãi 55.170.411 đồng (trong đó lãi trong hạn là 46.438.356 đồng, lãi quá hạn là 8.732.055 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là 06 tháng 5 năm 2022) cho đến khi thi hành án xong anh Đỗ Văn N, chị Nông Thị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp anh Đỗ Văn N và chị Nông Thị D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 37/HĐTC ngày 08-10-2018 để thu hồi nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Đỗ Văn N và chị Nông Thị D phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền 1.300.000 (*một triệu ba trăm nghìn*) đồng.

4. Về án phí: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.334.000 (*tám triệu ba trăm ba mươi tư nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0002084 ngày 17-11-2021 của Chi cục Thi hành án huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Anh Đỗ Văn N và chị Nông Thị D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.758.520 (*mười bảy triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn năm trăm hai mươi*) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- Chi cục THADS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Lân